TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TÂN PHÚ** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày: 20 - 3 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kim Đính;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Công Gia;
2. Ông Trịnh N Thành.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

- Đại diện VKSND huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuyên – Kiểm sát viên.

Ngày 20/3/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm: Thụ lý số 14/2018/TLST-HS ngày 07/02/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 13/2018/QĐXXST-HS ngày 01/3/2018; đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu V, sinh năm 1998; nơi sinh tại tỉnh Đồng Nai;

Nơi ĐKTT: (Không); chỗ ở trước ngày bị giam giữ trong vụ án này tại Ấp 2, xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; không nghề nghiệp; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; trình độ văn hóa (trình độ học vấn): 01/12; con bà: Nguyễn Thị Kiều Trinh, sinh năm 1967 (đã chết); cha: (chưa xác định được); vợ, con, tiền sự: Không; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 41/2017/HSST ngày 26/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai kết án: 06 tháng tù, về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"; đến ngày 14/8/2017 bị cáo đã chấp hành xong án hình phạt tù; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/12/2017 (đến nay đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ của Công an huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

* *Người làm chứng*: Dương Anh N, sinh năm 2003; Trần Văn Hữu, sinh năm 1984.

* *Người bị hại*: Ông Dương Quốc T, sinh năm 1977 (ông vừa là người đại diện theo pháp luật của người làm chứng: Dương Anh N); bà Vũ Thị Phượng, sinh năm 1978 là vợ của ông T.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Dương Quốc C, sinh năm 1982.

(Ông C, người bị hại, người làm chứng cùng nơi cư trú tại Ấp 2, xã T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai).

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa; ông C, các người bị hại và người làm chứng vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 08/12/2017, người bị hại (T) và con của người bị hại đi cắt cỏ tại địa bàn Ấp 2, xã T. Khi người bị hại cắt cỏ thì để xe mô tô biển số 60M7-9798 trên lề đường, bị cáo nhìn thấy xe này có chìa khóa xe và không có người nào quản lý xe nên bị cáo lấy trộm xe và điều khiển xe đi về hướng quốc lộ 20 nhằm mục đích sẽ bán xe có tiền sử dụng. Khi bị cáo đi xe đến đoạn đường thuộc Ấp 4, xã Phú Lập, huyện Tân Phú thì người bị hại điều khiển xe mô tô đuổi theo và bắt giữ bị cáo.

Cáo trạng số 11/CT-VKSTP-ĐN ngày 07/02/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Vật chứng: 01 xe mô tô nêu trên (Kết luận định giá tài sản ngày 14/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai kết luận giá trị tài sản còn lại là 1.450.000 đồng).

* Khi tranh luận thì Kiểm sát viên trình bày ý kiến luận tội như sau:

Lời khai của bị cáo phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; bị cáo là người có tiền án chưa được xóa án tích. Hành vi của bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị cáo mồ côi cha mẹ, thành khẩn khai báo là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Cáo trạng truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại nên không xem xét.

Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản"; đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 10 đến 12 tháng tù.

* Bị cáo trình bày ý kiến: Ngày 08/12/2017 bị cáo có lấy trộm xe mô tô để trên lề đường tại địa bàn Ấp 2, xã T như nội dung của Bản cáo trạng nêu là đúng sự thật; bị cáo không trình bày ý kiến tranh luận, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tân Phú, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra thì bị cáo và người tham gia tố tụng trong vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Bị cáo lấy trộm xe nêu trên là chiếm đoạt tài sản thuộc quyền sở hữu của ông C. Để bảo đảm quyền, nghĩa vụ của đương sự khi xét xử vụ án tại Tòa án thì Tòa án đưa ông C vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và đưa bà Phụng (vợ của ông T) là người cùng có quyền chiếm hữu, sử dụng tài sản này tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách là người bị hại. Cần phải đưa họ tham gia tố tụng khi xét xử vụ án để giải quyết phần trách nhiệm dân sự, nghĩa vụ dân sự đối với người tham gia tố tụng trong vụ án được kịp thời, chính xác, toàn diện để bảo đảm quyền, lợi ích hợp của đương sự có liên quan đến vụ án.

[2]. Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa, bị cáo không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào khác; bị cáo chỉ trình bày ý kiến về hành vi thực hiện tội phạm, không có ý kiến tranh luận. Ý kiến trình bày của bị cáo thống nhất với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra và phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử kiểm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào các chứng cứ này, có đủ cơ sở chứng minh, kết luận: Bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội.

* Xét về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự, bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình để nhận biết được hành vi vi phạm pháp luật. Lẽ ra, bị cáo phải tích cực lao động, làm những việc có ích lợi cho mình, gia đình và xã hội, nhưng bị cáo lại lén lút trộm cắp xe của người bị hại là phương tiện của người bị hại đang dùng trong lao động, sản xuất đã trực tiếp gây ra thiệt hại đến quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại.

Bị cáo đã bị Tòa án kết án một lần và chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội mới. Qua đó, cho thấy bị cáo không có sự ăn năn, không khắc phục sửa chữa lỗi lầm đã sai phạm. Vì vậy, phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

Hội đồng xét xử xét bị cáo gây thiệt hại không lớn và thành khẩn khai báo tại phiên tòa là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p và g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm s, h khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự này giữa hai Bộ luật không có nội dung khác nhau, cũng không có tình tiết giảm nhẹ mới có lợi cho bị cáo trong Bộ luật Hình sự năm 2015 để áp dụng đối với bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng: Điểm p, g khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về khung hình phạt tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 và điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì khung hình phạt không có sự thay đổi về nội dung chính sách pháp luật; các Bộ luật Hình sự đều quy định khung hình phạt là "*bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm*". Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn áp dụng khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 để quyết định mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015 và quy định tại Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

[3] Vật chứng vụ án là xe mô tô nêu trên thì Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Tân Phú đã trả lại người bị hại (T) và người bị hại không yêu cầu bị cáo

phải bồi thường thiệt hại, đến nay thì Tòa án chưa nhận được ý kiến (yêu cầu) của ông C nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết phần trách nhiệm dân sự.

[4] Về chi phí tố tụng: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Kiểm sát viên luận tội đã đánh giá tính chất, mức độ, hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt đối với bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Ông C, người bị hại và người làm chứng không đến phiên tòa tham gia tố tụng nên không có ý kiến, yêu cầu của họ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 138; điểm p, g khoản 1 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hữu V phạm tội: "Trộm cắp tài sản";

Xử phạt: Nguyễn Hữu V 06 (sáu) tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 08/12/2017.

* Về vật chứng, trách nhiệm dân sự: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

* Về chi phí tố tụng:

Căn cứ: Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

* Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày, tính từ ngày tuyên án; đối với ông C, các người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo của người tham gia tố tụng này là 15 ngày, tính từ ngày người tham gia tố tụng nhận được Bản án hình sự sơ thẩm hoặc ngày niêm yết Bản án theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Người tham gia tố tụng (*có quyền nhận Bản án*);
- Công an huyện Tân Phú (2);
- VKSND huyện Tân Phú, VKSND tỉnh Đồng Nai (2).
- Chi cục THA.DS huyện Tân Phú;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- UBND nơi cư trú của bị cáo *{để thay thông báo kết quả xét xử}*;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- TAND huyện Tân Phú (3).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Kim Đính